

V/v báo cáo kết quả Hội thảo về phạm vi thông tin được tiếp cận và hạn chế tiếp cận trong dự thảo Luật Tiếp cận thông tin

*Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2014*

**BÁO CÁO HỘI THẢO**  
**VỀ PHẠM VI THÔNG TIN ĐƯỢC TIẾP CẬN VÀ HẠN CHẾ TIẾP CẬN TRONG DỰ THẢO LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN**

**1. Thời gian, địa điểm, thành phần hội thảo**

- Thời gian: ngày 15/12/2014 – 16/12/2014

- Địa điểm: Khách sạn Hòa Bình, 27 A Lý Thường Kiệt, Hà Nội

- Thành phần: Đại biểu đại diện cho các Bộ, ban, ngành Trung ương; đại diện một số UBND tỉnh, cơ quan tư pháp, thông tin và truyền thông, kế hoạch và đầu tư của một số địa phương từ Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Vĩnh Phúc...; các chuyên gia, các nhà khoa học đến từ các trường đại học và các cơ quan, tổ chức có liên quan; các chuyên gia, các nhà khoa học, cụ thể như sau:

+ Chủ trì Hội thảo: Nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thế Liên

+ Đại biểu tham dự: đại diện các Bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan bao gồm: Bộ Công an, Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch, Bộ Nội vụ, Ủy ban pháp luật của Quốc hội, Bộ Công thương; đại diện các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp gồm: Vụ Pháp luật quốc tế, Vụ Các vấn đề chung, Trường Đại học Luật Hà Nội, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính; các chuyên gia, các nhà khoa học có bài tham luận trình bày tại Hội thảo; đại diện một số cơ quan của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Sở Tư pháp Quảng Ninh, Sở Tư pháp Vĩnh Phúc, Sở Tư pháp Hải phòng, Sở Kế hoạch và đầu tư Hải phòng, Sở Thông tin và truyền thông Hải Dương, Sở Tư pháp Hưng Yên, Sở Tư pháp Lào Cai, Sở Kế hoạch và đầu tư Lạng Sơn, Sở Tư pháp Nam Định...

- Nội dung Hội thảo: Hội thảo chuyên đề về phạm vi thông tin được tiếp cận và hạn chế tiếp cận trong Dự thảo Luật tiếp cận thông tin, tập trung vào 03 nội dung

lớn là: (i) sự cần thiết ban hành Luật Tiếp cận thông tin; (2) Nhu cầu tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức Chế định về Chính phủ; (3) Giới hạn của quyền tiếp cận thông tin.

## **2. Các nội dung thảo luận tại Hội thảo**

Sau bài phát biểu khai mạc Hội thảo trình bày tóm gọn quá trình chuẩn bị và xây dựng Dự án Luật Tiếp cận thông tin, một số yêu cầu và định hướng lớn của việc xây dựng dự án Luật cũng như nêu những vấn đề cần tập trung thảo luận tại Hội thảo của Nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thế Liên, các chuyên gia, các nhà khoa học đã trình bày các tham luận liên quan đến (1) Nhu cầu tiếp cận thông tin và các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, tổ chức; (2) Tiếp cận thông tin và hạn chế tiếp cận thông tin theo thông lệ quốc tế; (3) những nội dung lớn cần điều chỉnh của Dự án Luật Tiếp cận thông tin; (4) Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về việc xây dựng Luật Tiếp cận thông tin của Hoa Kỳ; (5) Phạm vi thông tin bí mật nhà nước.

Trên cơ sở nội dung các bài tham luận của các chuyên gia, các nhà khoa học, các đại biểu đã tập trung thảo luận một số vấn đề lớn sau đây:

### **2.1. Các nội dung thảo luận liên quan đến sự cần thiết ban hành Luật Tiếp cận thông tin**

- Nhiều ý kiến cho rằng việc ban hành Luật Tiếp cận thông tin là vô cùng cần thiết, nhất là trong bối cảnh Hiến pháp sửa đổi năm 2013 đã có nhiều điểm đổi mới tiên bộ, tích cực liên quan đến quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Theo đó, tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013 đã sửa đổi "quyền được thông tin" thành "quyền tiếp cận thông tin" là một trong những quyền cơ bản của công dân. Bên cạnh đó, Điều 14 Hiến pháp cũng đã quy định "*các quyền con người, quyền công dân... được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*" và khẳng định những quyền này "*chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*". Quyền tiếp cận thông tin là một quyền rất cơ bản của công dân, theo đó, công dân có quyền được biết thông tin của nhà nước để thỏa mãn các nhu cầu trong cuộc sống của mình cũng như để bảo vệ và thực hiện các quyền năng khác đã được pháp luật ghi nhận.

- Cũng có ý kiến cho rằng cần đặt vấn đề xây dựng Dự án Luật Tiếp cận thông tin trong bối cảnh các bản Hiến pháp của nước ta từ trước đến nay đều khẳng định "nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước, tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc

về nhân dân và nhân dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Cần phải nhấn mạnh rằng quyền tiếp cận thông tin là tiền đề để nhân dân thực hiện quyền làm chủ nhà nước của mình. Nhân dân có nắm bắt được các thông tin trong quá trình tổ chức và hoạt động của nhà nước thì Nhân dân mới tham gia quản lý, giám sát các hoạt động của Nhà nước. Bên cạnh đó, cũng phải đặt quyền tiếp cận thông tin bên cạnh chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và đòi hỏi tính hiệu lực, hiệu quả, minh bạch hóa hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn với tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan. Việc ban hành Luật này cũng nhằm bảo đảm tạo điều kiện cho các cơ quan, nhất là các cơ quan dân cử (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp) cũng như người dân tham gia vào quá trình giám sát hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước.

- Có ý kiến cho rằng quyền tiếp cận thông tin không phải là một quyền mới xuất hiện. Quyền tiếp cận thông tin là một trong các quyền cơ bản của con người, của công dân, thuộc nhóm quyền dân sự - chính trị đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Quyền tiếp cận thông tin được tiếp tục khẳng định trong Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng, Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển và Công ước UNECE về tiếp cận thông tin môi trường. Việc ban hành Luật về tiếp cận thông tin không những đáp ứng yêu cầu cụ thể hóa Hiến pháp mà còn thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia là thành viên.

## **2.2. Về nhu cầu tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức**

- Có nhiều ý kiến khẳng định Được thông tin và tiếp cận thông tin hiện đã trở thành một nhu cầu và một quyền cấp thiết cần phải bảo đảm không chỉ đối với các tổ chức và doanh nghiệp, mà còn đối với mọi công dân, bởi thông tin, đặc biệt là thông tin về pháp luật, chính sách và hoạt động của các cơ quan nhà nước được coi là yếu tố cốt yếu trong mọi hoạt động khi mà xã hội được quản lý và vận hành theo những nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền. Tuy nhiên, người dân vẫn chưa nhận thức đầy đủ về quyền được thông tin của mình theo quy định của pháp luật, nhất là ở địa bàn nông thôn, miền núi.

- Có ý kiến cho rằng một trong những chủ thể có nhu cầu thông tin và tiếp cận thông tin rất lớn hiện nay là các tổ chức doanh nghiệp. Tùy thuộc vào quy mô, phạm vi hoạt động, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, mục đích tiếp cận thông tin từ các cơ quan công quyền của doanh nghiệp có thể khác nhau. Tuy nhiên để giải quyết các công việc trong

hoạt động sản xuất, kinh doanh (từ việc hoạch định chiến lược kinh doanh đến cơ cấu lại vốn đầu tư..), tất cả các doanh nghiệp đều có một điểm chung là cần tiếp cận các tin tức, dữ liệu liên quan có trong hồ sơ, tài liệu do cơ quan công quyền tạo ra hoặc nhận được trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, đang được các cơ quan này nắm giữ. Đây là nhu cầu tất yếu, đồng thời cũng là thước đo đánh giá mức độ cải cách hành chính nhà nước trong hoạt động thu hút đầu tư.

- Có ý kiến cho rằng bên cạnh nhu cầu tiếp cận thông tin một cách đầy đủ và chính xác thì cá nhân công dân, tổ chức còn cần được cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Có nhiều trường hợp thông tin đến được với người dân thì đã lỗi thời, không áp dụng được. Hơn nữa, việc tuyên truyền pháp luật hiện nay thường được thực hiện theo kế hoạch, và chỉ thực hiện khi có văn bản luật mới được ban hành. Việc phổ biến pháp luật thường chỉ dừng lại ở phổ biến các quy định khung trong các văn bản luật. Trong khi nhu cầu thông tin của người dân lại phát sinh hàng ngày và thông tin pháp luật mà người dân cần thường phải thật chi tiết, cụ thể. Những thông tin này thường chỉ có ở văn bản tầm nghị định, thậm chí là thông tư, công văn và được phổ biến hàng năm.

- Có ý kiến cho rằng trong nhiều trường hợp trên thực tế, khi có việc liên quan đến thủ tục hành chính tại cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân thường tìm hiểu thông tin về quy trình giải quyết công việc qua cả nguồn thông tin chính thức lẫn không chính thức. Sở dĩ, người dân, doanh nghiệp phải tìm hiểu thông tin qua nguồn không chính thức (tìm hiểu qua doanh nghiệp khác hoặc bạn bè, người thân) mà lẽ ra những thông tin này phải được các cơ quan nhà nước cung cấp công khai theo quy định của pháp luật là do việc thực hiện các quy định của pháp luật về công khai, minh bạch thông tin chưa nghiêm túc trên thực tế.

- Có ý kiến cho rằng lĩnh vực thông tin khó tiếp cận nhất đối với người dân, doanh nghiệp và cả nhà báo, thậm chí là không thể tiếp cận được chính là các loại thông tin liên quan đến tình hình quản lý, sử dụng ngân sách và chi đầu tư công. Pháp luật đều có quy định về việc công khai thông tin trong lĩnh vực ngân sách, tài chính, thời hạn công khai, theo đó đơn vị kế toán thuộc hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước phải công khai báo cáo tài chính năm trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền duyệt. Tuy nhiên, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013, Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 hiện chưa có điều khoản nào quy định trực tiếp việc xử lý liên quan đến những hành vi vi phạm quyền được thông tin, hay nói cách khác, chưa quy định rõ hành vi nào bị coi là vi

phạm quyền được thông tin và những chế tài kèm theo. Do vậy, việc công khai thông tin không được đảm bảo thực hiện bởi ngay chính quy định của pháp luật.

### **2.3. Về giới hạn phạm vi thông tin được tiếp cận**

- Có ý kiến cho rằng một trong những thực trạng về quyền tiếp cận thông tin của nước ta hiện nay là quy định về nguyên tắc hạn chế quyền được thông tin trong Hiến pháp và Luật, giới hạn quyền được thông tin và thông tin “mật” chưa rõ ràng, chưa cụ thể, dẫn đến còn tình trạng lạm dụng bí mật thông tin trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

- Có ý kiến cho rằng không riêng gì Việt Nam mà ở tất cả các quốc gia trên thế giới, quyền tiếp cận thông tin là quyền có điều kiện. Không phải bất kỳ thông tin nào người dân cũng được tiếp cận, mà để đảm bảo cho an ninh khoa học và an ninh quốc gia, người dân được tự do tiếp cận các thông tin chính thức và không nằm trong những ngoại trừ. Như vậy, cần phải có ranh giới rất rõ ràng về vùng thông tin hạn chế tiếp cận hay chính là các giới hạn của quyền tiếp cận thông tin. Vùng thông tin này càng hẹp, càng rõ ràng thì quyền tiếp cận thông tin của công dân càng được mở rộng.

- Có ý kiến cho rằng các quy định về bí mật nhà nước- một trong những loại thông tin hạn chế tiếp cận được quy định tại Pháp lệnh về bảo vệ bí mật nhà nước còn quá chung chung. Pháp lệnh quy định “Bí mật nhà nước là những tin về vụ, việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ, các lĩnh vực khác mà Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố...”. Pháp lệnh không đưa ra được các tiêu chí cụ thể, rõ ràng để xác định đâu là thông tin thuộc bí mật nhà nước. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều cơ quan nhà nước lợi dụng quy định này để hạn chế quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Có ý kiến cho rằng các thông tin được xem là bí mật Nhà nước thực ra rộng hơn cả khái niệm thông tin Nhà nước vì người đứng đầu các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội cũng có thể lập danh mục các thông tin bí mật Nhà nước. Điều này áp dụng đối với các thông tin của Đảng, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các thông tin được cho là bí mật Nhà nước do các tổ chức chính trị - xã hội khác đề xuất. Bên cạnh đó, Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí quy định: người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí có quyền từ chối, không phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trong trường hợp những vấn đề đó thuộc bí mật nhà nước, vấn đề không thuộc quyền hạn phát ngôn. Việc quy định chung chung như vậy có thể là kẽ hở cho người phát ngôn đưa ra lý do né tránh việc cung

cấp thông tin không có lợi cho bản thân họ bằng cách lấy có đó là những thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin không thuộc quyền phát ngôn của họ.

- Có ý kiến cho rằng, bên cạnh việc giới hạn quyền tiếp cận thông tin thông qua việc quy định các vùng cấm của thông tin không được phép tiếp cận, còn có các hình thức hạn chế quyền tiếp cận thông tin khác, ví dụ: thông qua việc quy định các hàng rào kỹ thuật, các thủ tục hành chính hay quy định các hình thức tiếp cận thông tin không phù hợp. Trên thực tế, trong nhiều trường hợp, do những trang thông tin điện tử, website chính thức của các cơ quan Nhà nước, các tỉnh thành phố không đáp ứng được nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân nên chủ yếu người dân tìm đến những phương tiện thông tin đại chúng phổ biến hiện nay: đài, báo, tivi... đặc biệt là qua mạng internet. Đây là một trong những điều bất cập bởi không phải tất cả những thông tin liên quan đến những hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tỉnh/thành phố trên mạng internet đều là những thông tin chính thống.

- Có ý kiến đưa ra ví dụ thực tế: Trong thời gian vừa qua, người tiêu dùng cả nước vô cùng bất bình về thông tin về an toàn vệ sinh thực phẩm như nước tương có chứa chất 3MCPD, sữa chứa Melamil, hay thực phẩm chứa chất gây ung thư, chất gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng... Theo Pháp lệnh về Vệ sinh An toàn Thực phẩm năm 2003 nêu rõ “người tiêu dùng có quyền được thông tin về vệ sinh an toàn thực phẩm...”, tuy nhiên sau khi những sự việc này được làm sáng tỏ, các cơ quan chức năng chỉ cung cấp kết luận giám định ATVS thực phẩm cho một số cơ sở chế biến liên quan, trong khi người tiêu dùng cần biết về thông tin này nhưng không biết lấy ở đâu. Điều này cho thấy sự cần thiết phải công bố và cập nhật thông tin từ chính các cơ quan có trách nhiệm. không chỉ trong lĩnh vực ATVS thực phẩm., những bất cập trong việc tiếp cận thông tin của người dân còn rất rõ ở các lĩnh vực đất đai, đền bù giải tỏa, dự án ưu đãi, các khoản tín dụng, cứu trợ thiên tai, những thông tin về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khoẻ, môi trường; thông tin về thanh tra, kiểm tra, giám sát việc bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động...

- Có ý kiến cho rằng, ngoài bí mật nhà nước, một loại thông tin cần bị hạn chế tiếp cận là bí mật đời tư, bí mật kinh doanh. Riêng đối với bí mật đời tư, đây là một vấn đề vô cùng quan trọng mà thực tế pháp luật còn bỏ ngỏ, chưa có quy định cụ thể. Nhiều ý kiến đồng tình với quan điểm phải quy định bí mật đời tư là loại thông tin cấm tiếp cận. Tuy nhiên, việc ngăn chặn sự xâm phạm bí mật đời tư thực sự khó khăn thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, khi mà thông tin được lan truyền rất nhanh chỉ sau một cái nhấp chuột máy tính, chúng ta có thể thấy rất nhiều thông tin

đời tư đáng ra phải được bảo vệ của nhiều cá nhân bị phơi bày. Những người có thông tin cá nhân bị tiết lộ hoặc người thân của họ đôi khi gặp rắc rối trong cuộc sống như kẻ lừa đảo sử dụng thông tin của họ nhằm thực hiện hành vi phi pháp...

Bí mật đời tư tuy được bảo vệ trong Bộ luật hình sự và Bộ luật dân sự nhưng chỉ được vi phạm khi có “thiệt hại” của nạn nhân (bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng...) chứ chưa quy định một cách cụ thể, đầy đủ như ai là người có quyền thu thập thông tin cá nhân người khác, trình tự thu thập, lưu giữ, sử dụng, tiết lộ thông tin cá nhân như thế nào? Theo quy định của Bộ luật Dân sự thì cũng thật khó xác định mức độ thiệt hại thực tế như thế nào trong trường hợp bí mật đời tư bị xâm phạm. Đặc biệt, đó là sự thiếu vắng hành lang pháp lý để bảo vệ bí mật đời tư không bị tiết lộ cũng như những chế tài (dân sự, hành chính và hình sự) áp dụng đối với ngay cả những trường hợp không có thiệt hại xảy ra nhằm bảo vệ quyền hợp pháp của công dân cũng như mang tính giáo dục chung.

#### **2.4. Về phạm vi điều chỉnh của Dự án Luật**

- Về chủ thể có nghĩa vụ cung cấp thông tin, tại Hội thảo 02 loại ý kiến khác nhau, cụ thể:

*Loại ý kiến thứ 1:* Chủ thể phải cung cấp thông tin là tất cả các cơ quan nhà nước bao gồm cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, vì các cơ quan này trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ đều tạo ra và nhận được nhiều thông tin liên quan đến đời sống xã hội, quyền và lợi ích của công dân, tổ chức. Do vậy, thông tin của các cơ quan này cần phải được công khai rộng rãi hoặc cung cấp theo yêu cầu. Hơn nữa, trong thời gian qua, bằng nhiều phương thức và ở những mức độ khác nhau, các cơ quan nêu trên cũng đã thực hiện việc cung cấp thông tin cho công dân, tổ chức.

*Loại ý kiến thứ 2:* Chủ thể phải cung cấp thông tin là tất cả các cơ quan nhà nước và các tổ chức có sử dụng tài sản, ngân sách nhà nước, sử dụng thuế do người dân đóng (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức sự nghiệp dịch vụ công, doanh nghiệp nhà nước, quỹ được thành lập theo quy định của pháp luật).

*Loại ý kiến thứ 3:* Chủ thể phải cung cấp thông tin là tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức có sử dụng tài sản, ngân sách nhà nước.

- Về hình thức công khai, công bố thông tin, nhiều ý kiến đề nghị Dự thảo Luật phải quy định về công bố, cung cấp thông tin; phương thức cung cấp thông tin, trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin, thông tin

được cơ quan nhà nước chủ động công bố, hình thức công bố thông tin. Bên cạnh đó, Dự thảo Luật cũng phải quy định loại thông tin nào phải được công bố trên trang thông tin điện tử; các loại thông tin được cung cấp theo yêu cầu; điều kiện đối với yêu cầu cung cấp thông tin; thời hạn cung cấp thông tin; các trường hợp từ chối yêu cầu cung cấp thông tin; chi phí tiếp cận thông tin. Việc quy định một cách rõ ràng tại dự thảo Luật cũng là cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của cá nhân, tổ chức.

- Có ý kiến cho rằng Luật cần quy định cụ thể về các nguyên tắc chung về tiếp cận thông tin, phạm vi và các hình thức tiếp cận thông tin; quy định trình tự, thủ tục chung về cung cấp thông tin; điều kiện được cung cấp thông tin và lý do bị từ chối cung cấp thông tin; các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, cơ chế kiểm tra, giám sát của Nhà nước và xã hội đối với công tác bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin,... Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng cần cân nhắc việc có nên quy định phải nêu lý do trong trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin.

- Có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu kỹ Luật Mẫu về tiếp cận thông tin và nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về vấn đề này. Trên thế giới hiện nay có hơn 100 quốc gia đã ban hành luật về tiếp cận thông tin. Các vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng Dự án Luật Tiếp cận thông tin của nước ta cũng là các vấn đề mà nhiều quốc gia đã và đang gặp phải trong quá trình xây dựng và tổ chức thực thi các quy định này. Do vậy, việc nghiên cứu quy định của pháp luật quốc tế đồng thời với việc rà soát, nghiên cứu các điều kiện cụ thể, đặc thù của xã hội cũng như hệ thống pháp luật Việt Nam sẽ giúp ích cho cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng được chính sách tốt về quyền tiếp cận thông tin.

- Có ý kiến đề nghị cần hết sức thận trọng trong việc xây dựng các quy định tại Dự án Luật Tiếp cận thông tin, có tính đến hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay đã có nhiều văn bản luật, nghị định có quy định về cung cấp thông tin, công khai thông tin trong các lĩnh vực chuyên ngành. Cần xác định Luật này phải là luật chung, luật nguyên tắc để các luật chuyên ngành căn cứ vào đó và điều chỉnh trong ngành, lĩnh vực của mình.

### **3. Ý kiến kết luận của Nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thế Liên**

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thế Liên đã kết luận một số nội dung quan trọng sau:

- Về sự cần thiết: Cần khẳng định sự cần thiết ban hành Luật Tiếp cận thông tin dựa vào các căn cứ sau: (i) Thực hiện quyền mà Hiến pháp quy định; (ii) Tầm



quan trọng của Luật này, phục vụ cho quyền làm chủ của nhân dân. Quyền tiếp cận thông tin là quyền phát triển cho cá nhân (phát triển tư duy, nhận thức) và xã hội (mọi người tham gia vào quá trình phát triển và hưởng thành quả của quá trình phát triển).

- Về nguyên tắc: có 3 nguyên tắc cốt lõi:

+ Nguyên tắc cung cấp tối đa: nhân dân là người làm chủ đất nước, nhân dân có quyền tiếp cận các thông tin về quá trình tổ chức và hoạt động của nhà nước, nhà nước phải mở, phải minh bạch. Nếu cứ nói quyền tiếp cận thông tin mà lại đặt ra các giới hạn thì nó ko còn ý nghĩa nữa.

+ Hạn chế quyền: chỉ bằng luật (theo đúng tinh thần của Hiến pháp). Hạn chế thông qua quy định cấm, quy định về các rào cản kỹ thuật hoặc đưa ra các điều kiện, tiêu chuẩn. Các quy định về hạn chế phải minh bạch rõ ràng, theo đúng các lý do mà Hiến pháp đã quy định.

+ Đây là quyền cơ bản của công dân, trách nhiệm của Nhà nước phải tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm. Đây là trách nhiệm giải trình của Nhà nước.

- Cung cấp thông tin: cung cấp nguyên bản, khác với hỏi đáp/ trả lời. Cung cấp những thông tin sẵn có, có khả năng cung cấp.

- Chi phí yêu cầu cung cấp thông tin: vừa là phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin, vừa nâng cao trách nhiệm của người đưa ra yêu cầu cung cấp thông tin. Tính đến miễn/ giảm chi phí đối với các nhóm yếu thế.

- Về phạm vi: là luật thực hiện hiến pháp, quy định về quyền cơ bản của công dân. Trong mối quan hệ giữa công dân – nhà nước, không thể chỉ giới hạn với cơ quan hành chính nhà nước, đây phải là công dân với tất cả các cơ quan nhà nước (cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước). Tất nhiên, sử dụng ngân sách thì chỉ ứng cấp thông tin về việc sử dụng ngân sách nhà nước (bệnh viện, doanh nghiệp nhà nước, cơ sở giáo dục).

Lẽ ra, Quốc hội, hội đồng nhân dân là cơ quan hoạt động dân chủ, công khai nhất thì phải là cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin cao nhất, trong khi đó chúng ta lại đang loại ra. Cử tri có quyền biết các thông tin về hoạt động của đại biểu Quốc hội. Tòa án cũng càng ngày phải hoạt động minh bạch.

- Hạn chế cung cấp thông tin: bám sát Điều 14 Hiến pháp năm 2014. Luật Bí mật quốc gia quy định, ko quy định cụ thể ở đây. Tuy nhiên, Luật này quy định nguyên tắc, ví dụ: hạn chế theo luật định, hạn chế theo các lý do. Luật Bí mật nhà

nước sẽ quy định cụ thể, danh mục bí mật nhà nước phải được công khai, quy trình giải mật.

- Đối tượng: Chủ yếu là công dân, có thể mở ra cho tổ chức.

- Phương thức cung cấp thông tin:

+ Công bố công khai: nhiều luật đã quy định vấn đề này. Luật này quy định nguyên tắc chung, từng cơ quan cung cấp cái gì (tối thiểu), còn các luật chuyên ngành sẽ quy định cụ thể (ít nhất phải đạt tối thiểu), nếu không cung cấp đạt như luật này thì áp dụng luật này.

Xác định thông tin công khai và hình thức công khai. Phải phong phú các hình thức công khai cho từng loại thông tin và từng cơ quan (thông cáo báo chí, hợp báo, sách, các phương tiện thông tin đại chúng...).

+ Hình thức hỏi – đáp (cung cấp theo yêu cầu): Thiết kế mẫu đơn yêu cầu và không cần nêu lý do yêu cầu (nếu cần lý do thì sẽ gây tình trạng tùy tiện, hạn chế quyền công dân). Từ chối cung cấp thông tin phải có lý do, đây sẽ là một trong những căn cứ để nhân dân khiếu nại. Áp dụng công nghệ thông tin vào việc cung cấp/ trả lời.

- Môi quan hệ luật này với luật khác : Luật Bí mật nhà nước nghiên cứu danh sách bí mật vừa phải, phải có giải mật: đương nhiên (sự kiện và thời hạn), vô thời hạn phải có thủ tục để giải mật và luật này chỉ nói trừ trường hợp thông tin mật được giải mật, đề cao trách nhiệm của cơ quan lưu trữ (một số nước như công viên, muốn ngồi phải đặt trước).

Bên cạnh đó, Nguyên Thứ trưởng Hoàng Thế Liên cũng yêu cầu Tổ thư ký tổng hợp đầy đủ ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học cũng như của các đại biểu tham dự để trên cơ sở đó tiếp tục có những ý kiến đóng góp trong quá trình xây dựng Dự án Luật Tiếp cận thông tin./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- Lưu: Vụ PLHS-HC (02 bản).

**KT. VỤ TRƯỞNG**

**PHÓ VỤ TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hạnh**

